

... ngày 08 tháng 01 năm 2021

Mẫu số 27/HSKT-KTNN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 15 /TB-KTNN

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 41
14 tháng 01 năm 2021

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI: HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Kính gửi: Đồng chí Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thực hiện Quyết định số 1388/QĐ-KTNN ngày 05/10/2020 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tổ kiểm toán Số 2 đã tiến hành kiểm toán tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây viết tắt là Học viện) từ ngày 09/11/2020 đến ngày 24/11/2020.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 24 tháng 11 năm 2020. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính

1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán

Tổ kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính của Học viện lập (các báo cáo, số liệu tài chính được kiểm toán có kết quả theo Phụ lục số 05.1, 05.2, 05.3, 05.4/HSKT-KTNN kèm theo).

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán

- Trách nhiệm của Học viện: Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của Tổ kiểm toán nhà nước: Đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán tại đơn vị.

- Ý kiến của Đoàn kiểm toán: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019 của Học viện đã phản ánh trung thực và hợp

2.2.2. Thu, chi quỹ đơn vị, trích lập các quỹ: (i) Năm 2019, Học viện trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính, số tiền 3.547 triệu đồng. (ii) Chưa thực hiện trích lập Quỹ học bổng (8% nguồn thu học phí hệ giáo dục chính quy) theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số tiền 4.195 triệu đồng.

2.3. Công tác xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm: Chưa thực hiện xử lý kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số cuối năm hết nhiệm vụ chi nhưng còn dự toán, số tiền 407 triệu đồng.

2.4. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

2.4.1. Công tác quản lý, sử dụng đất

- Học viện có 03 vị trí đất chưa được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích 56.199,7 m². Trong đó vị trí đất tại 36 Xuân Thủy có Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước số 195 ngày 30/11/2004 do Bộ Tài chính cấp.

- Học viện sử dụng 1.913 m² đất cho mục đích kinh doanh thông qua các hợp đồng liên kết với 03 đơn vị bên ngoài (Công ty CP ĐT&TM Công nghệ Vinacom Hà Nội, hợp đồng năm 2019; Công ty CP Sách Nhân dân, hợp đồng năm 2017; Công ty CP Sông La, hợp đồng năm 2012, trước đó là những đơn vị khác thuê, từ nhiều năm trước); chưa thực hiện kê khai nộp tiền thuê đất đối với diện tích sử dụng vào kinh doanh theo quy định tại Điều 56 Luật Đất đai 2013, Điều 4, 9, 12 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ.

2.4.2. Tình hình quản lý công nợ phải thu, phải trả

- Cuối năm Học viện chưa đối chiếu (các khoản phải thu, phải trả), đối chiếu chưa đầy đủ (các khoản tạm ứng) theo quy định.

- Một số khoản nợ phải thu tồn nhiều năm nhưng đến nay chưa xử lý, thu hồi được do cán bộ đã nghỉ hưu, sinh viên ra trường (*ứng đi thực tập, kiến tập*), số tiền 68 triệu đồng.

- Một số khoản nợ phải trả phát sinh từ lâu không xác định rõ nguồn gốc, đối tượng phải trả, số tiền 114 triệu đồng.

2.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

- Học viện đang thực hiện giá học phí phần lớn dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trên cơ sở Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ) và theo Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/06/2017 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa trình Chính phủ phê duyệt lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính đề xuất "Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo chưa phải nộp thuế TNDN đối với khoản thu học phí trong phạm vi khung giá theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chưa tính đầy đủ chi phí". Đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa có hướng dẫn cụ

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán

Đề nghị Giám đốc Học viện chỉ đạo các bộ phận liên quan điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính theo kết quả kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính:

Tổng kiến nghị xử lý tài chính do Kiểm toán nhà nước phát hiện tăng thêm 4.512.538.688 đồng, trong đó:

(1) Nộp Ngân sách nhà nước 965.753.688 đồng, gồm:

- Thuế TNDN 770.804.221 đồng;

- Thuế nhà thầu 194.949.467 đồng.

(2) Giảm dự toán năm sau 3.546.785.000 đồng, gồm:

- Giảm trừ dự toán năm sau đối với kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số cuối năm còn dư dự toán hết nhiệm vụ chi (406.964.728 đồng) và trong năm còn dư đã quyết toán sang nhiệm vụ chi khác không đúng quy định (377.095.272 đồng).

- Giảm trừ dự toán năm sau đối với kinh phí NSNN cấp bù miễn, giảm học phí cho 679 sinh viên đơn vị đã sử dụng sang nhiệm vụ chi khác chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, số tiền 2.762.725.000 đồng.

(Chi tiết Phụ lục số 02, 02a, 03, 03a/HSKT-KTNN)

1.3. Kiến nghị khác:

Tăng trích quỹ cải cách tiền lương theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính 3.547.578.751 đồng.

(Chi tiết Phụ lục số 04/HSKT-KTNN)

1.4. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công:

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ làm thêm giờ theo quy định, không để tình trạng làm thêm giờ vượt 200 giờ/năm không đúng quy định của Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13; chi và quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí cho sinh viên và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo đúng quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện rà soát số liệu để kê khai, thực hiện nghĩa vụ về thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính; phối hợp với Bộ Tài chính để làm rõ việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các khoản thu học phí, lệ phí của các hệ đào tạo, đảm bảo thực hiện theo các quy định của Nhà nước; Kê khai, nộp kịp thời, đầy đủ thuế nhà thầu.

Thông báo này gồm 07 trang, từ trang 01 đến trang 07 và các phụ lục số 01, 02, 02a, 03, 03a, 04, 05.1, 05.2, 05.3, 05.4/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HV Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN chuyên ngành Ib;
- Lưu: VT, ĐKT.

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH



Trần Văn Hào

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỬ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị kiểm toán của KTNN đối với niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .../KTNN-TH ngày ... tháng... năm ... tại ... và theo Công văn số .../KTNN-TH ngày ... tháng... năm ... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi Kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)" đồng thời đánh dấu vào KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung "xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm"; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: "Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm".
2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (Quyết định phê duyệt quy toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh,...) phải ghi rõ: "Giảm thanh toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .../KTNN-TH ngày ... tháng... năm ... và theo Công văn số ... ngày .../... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)". Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).
3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (giao dự toán, giảm dự toán,...) phải ghi rõ "Giảm dự toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .../KTNN-TH ngày ... tháng... năm và theo Công văn số ... ngày .../... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có); Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.
4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ "nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN"; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ "nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN"; Tờ khai thu TNDN thuyết minh rõ "số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN"; đồng thời ghi rõ "niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .../KTNN-TH ngày ... tháng... năm và theo Công văn số ... ngày .../... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)".

Phụ lục số 02/HSKT-KTNV

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TẶNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế				Đơn vị tính: đồng
					GTGT	TNDN	TNCN	Thuế khác*	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	
6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		965.753.688		770.804.221		194.949.467		
	TỔNG CỘNG		965.753.688	-	770.804.221	-	194.949.467	-	

* Chỉ khác Thuế khác là khoản thuế nhà thầu khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động đào tạo liên kết quốc tế trả cho Middlesex, đơn vị chưa kê khai, nộp NSNN.

Phụ lục số 02a/HSKT-KTNN

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
Quan liêm toàn việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

STT	Chi tiêu/ đơn vị	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính, đã
I	Thuế TNDN		770.804.221		Ghi ci
-	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		770.804.221	- Do tính thuế TNDN của các khoản thu học phí, lệ phí các hệ đào tạo	
II	Thuế nhà thầu		194.949.467		
-	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		194.949.467	- Do chưa kê khai, nộp nhà thầu khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động	
	Tổng cộng		965.753.688	đào tạo liên kết quốc tế trả cho Middlesex	

Phụ lục số 03/HSKT-KTNV

TỔNG HỢP NIÊN NGHỊ THU HỐI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
 Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Hạng mục	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Thu hồi kinh phí chưa		Giảm quyết toán, giảm thanh toán		Giảm dự toán, giảm thanh toán		Giảm giá hợp đồng còn lại	Thu hồi, nộp khác
			Thường xuyên	XD/CB	Thường xuyên	XD/CB	Thường xuyên	XD/CB	Thường xuyên	XD/CB		
a	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	3.546.785.000							3.546.785.000			
		3.546.785.000							3.546.785.000			

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Phụ lục số 03a/HSKT-KTTN

Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

STT	Đơn vị chi tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính: đ
I	Giảm trừ dự toán năm sau	3.546.785.000		
	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	406.964.728	- Giảm trừ dự toán năm sau đối với kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số cuối năm còn dư.	Chi c
		2.762.725.000	- Học viện Báo chí và tuyên truyền được giao dự toán thừa số sinh viên được miễn, giảm học phí so với thực tế sinh viên được miễn giảm theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	
	Tổng cộng	377.095.272	- Học viện Báo chí và tuyên truyền được giao dự toán thừa khoản hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số	
		3.546.785.000		

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KIẾM NĂM 2019

Phụ lục số 04/HSKT-KTTN

Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

STT	Đơn vị chi tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính: đ
1	2	3	4	5
	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3.547.578.751	- Tăng nguồn cải cách tiền lương do tăng thặng dư qua kết quả kiểm toán 1.486.141.083 đồng; Tăng nguồn cải cách tiền lương do đơn vị trích lập thiếu 2.061.437.668 đồng.	
	Tổng cộng	3.547.578.751		

KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Đơn vị tính: đồng
A	B	1	2	Chênh lệch 3=2-1
1	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG			
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	7.480.146.459	7.480.146.459	
11	Kinh phí thường xuyên / tự chủ	300.799.259	300.799.259	
	- Kinh phí đã nhận			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	300.799.259	300.799.259	
12	Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	7.179.347.200	7.179.347.200	
	- Kinh phí đã nhận	5.461.571.000	5.461.571.000	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	1.717.776.200	1.717.776.200	
2	Dự toán được giao trong năm	113.789.000.000	113.789.000.000	
	- Kinh phí thường xuyên / tự chủ	81.843.000.000	81.843.000.000	
	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	31.946.000.000	31.946.000.000	
3	Tổng số được sử dụng trong năm	121.269.146.459	121.269.146.459	
	- Kinh phí thường xuyên / tự chủ	82.143.799.259	82.143.799.259	
	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	39.125.347.200	39.125.347.200	
4	Kinh phí thực nhận trong năm	113.161.534.370	113.161.534.370	
	- Kinh phí thường xuyên / tự chủ	81.736.834.531	81.736.834.531	
	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	31.424.699.839	31.424.699.839	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	118.623.105.370	118.623.105.370	
	- Kinh phí thường xuyên / tự chủ	81.736.834.531	81.736.834.531	
	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	36.886.270.839	36.886.270.839	
6	Kinh phí giảm trong năm	2.239.076.361	2.239.076.361	
61	Kinh phí thường xuyên / tự chủ	-	-	
	- Đã nộp NSNN	-	-	
	- Còn phải nộp NSNN	-	-	
	- Dự toán bị hủy	-	-	
62	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	2.239.076.361	2.239.076.361	
	- Đã nộp NSNN	-	-	
	- Còn phải nộp NSNN	-	-	
	- Dự toán bị hủy	2.239.076.361	2.239.076.361	
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	406.964.728	406.964.728	
71	- Kinh phí thường xuyên / tự chủ	406.964.728	406.964.728	
	- Kinh phí đã nhận			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	406.964.728	406.964.728	
72	- Kinh phí không thường xuyên / không tự chủ	-	-	
	- Kinh phí đã nhận			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	-	-	

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2019
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3
I	TÀI SẢN	426.527.165.635	449.476.774.440	22.949.608.805
1	Tiền mặt	145.060.710.108	145.060.710.108	
2	Các khoản phải thu	4.696.833.472	27.646.442.277	22.949.608.805
-	Trả trước cho người bán	935.173.000	935.173.000	
-	Các khoản phải thu khác	3.761.660.472	26.711.269.277	22.949.608.805
3	Hàng tồn kho	1.302.038.831	1.302.038.831	
4	Tài sản cố định	275.434.583.224	275.434.583.224	
-	Tài sản cố định hữu hình	200.064.033.524	200.064.033.524	
	+ Nguyên giá	395.960.751.654	395.960.751.654	
	+ Hao mòn lũy kế	(195.896.718.130)	(195.896.718.130)	
-	Tài sản cố định vô hình	75.370.549.700	75.370.549.700	
	+ Nguyên giá	78.112.620.000	78.112.620.000	
	+ Hao mòn lũy kế	(2.742.070.300)	(2.742.070.300)	
5	Xây dựng cơ bản dở dang	33.000.000	33.000.000	
II	NGUỒN VỐN	426.527.165.635	449.476.774.440	22.949.608.805
1	Nợ phải trả	276.378.770.875	272.858.367.635	(3.520.403.240)
-	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	254.803.839.968	254.803.839.968	
-	Nợ phải trả khác	21.574.930.907	18.054.527.667	(3.520.403.240)
2	Tài sản thuần	150.148.394.760	176.618.406.805	26.470.012.045
-	Thặng dư / thâm hụt lũy kế	-	24.983.870.962	24.983.870.962
-	Các quỹ	114.236.765.910	115.722.906.993	1.486.141.083
-	Tài sản thuần khác	35.911.628.850	35.911.628.850	

* Giải thích nguyên nhân chênh lệch

- 1 Các khoản phải thu khác tăng** 22.949.608.805
- Do chưa ghi nhận doanh thu số tiền học phí nộp thiếu của sinh viên ĐH chính quy 22.754.659.338
 - Do tăng thuế nhà thầu khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động đào tạo liên kết quốc tế trả cho Middlesex 194.949.467
- 2 Nợ phải trả khác giảm** 3.520.403.240
- * Tăng:* 6.089.361.690
- Do trích quỹ học bổng theo quy định tại Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT 4.195.000.000
 - Do ghi nhận số tiền học phí nộp thừa của sinh viên ĐH chính quy vào doanh thu không đúng kỳ 928.608.002
 - Do tăng thuế TNDN qua kết quả kiểm toán tại PL02c 770.804.221
 - Do tăng thuế nhà thầu khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động đào tạo liên kết quốc tế trả cho Middlesex 194.949.467
- * Giảm* 9.609.764.930
- Do chưa ghi nhận doanh thu đúng kỳ của một số lớp học hệ vừa học vừa làm đã kết thúc 9.609.764.930
- 3 Thặng dư / thâm hụt lũy kế tăng** 24.983.870.962
- Tăng thặng dư do kết quả xử lý tài chính qua kiểm toán 24.983.870.962
- 4 Các quỹ tăng** 1.486.141.083
- * Tăng:* 3.547.578.751
- Tăng nguồn cải cách tiền lương do tăng thặng dư qua kết quả kiểm toán 1.486.141.083
 - Tăng nguồn cải cách tiền lương do đơn vị trích lập thiếu 2.061.437.668
- * Giảm:* 2.061.437.668
- Giảm các Quỹ do kết chuyển sang Nguồn cải cách tiền lương đơn vị đang trích lập

**KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính sự nghiệp			
1	Doanh thu	119.830.131.705	119.830.131.705	
-	Từ NSNN cấp	119.830.131.705	119.830.131.705	
2	Chi phí	107.123.516.198	107.123.516.198	
-	Chi phí hoạt động	107.123.516.198	107.123.516.198	
3	Thặng dư/thâm hụt	12.706.615.507	12.706.615.507	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
1	Doanh thu	113.535.243.158	144.971.059.424	31.435.816.266
2	Chi phí	67.888.684.317	72.083.684.317	4.195.000.000
3	Thặng dư/thâm hụt	45.646.558.841	72.887.375.107	27.240.816.266
III	Hoạt động tài chính			
1	Doanh thu	27.452.782	27.452.782	
2	Chi phí	22.350.128	22.350.128	
3	Thặng dư/thâm hụt	5.102.654	5.102.654	
IV	Hoạt động khác			
1	Thu nhập khác	7.000.000	7.000.000	
2	Chi phí khác	3.300.000	3.300.000	
3	Thặng dư/thâm hụt	3.700.000	3.700.000	
V	Chi phí thuế TNDN	460.017.324	1.230.821.545	770.804.221
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	57.901.959.678	84.371.971.723	26.470.012.045

* Giải thích nguyên nhân chênh lệch

1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng	31.435.816.266
	* Tăng:	32.364.424.268
	- Do chưa ghi nhận doanh thu số tiền học phí nộp thiếu của sinh viên ĐH chính quy	22.754.659.138
	- Do chưa ghi nhận doanh thu đúng kỳ của một số lớp học hệ vừa học vừa làm đã kết thúc	9.609.764.930
	* Giảm:	928.608.002
	- Do ghi nhận số tiền học phí nộp thừa của sinh viên ĐH chính quy vào doanh thu không đúng kỳ	928.608.002
2	Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng	4.195.000.000
	- Do chi tiền học bổng khi chưa thực hiện chi từ nguồn thu là không đúng quy định	4.195.000.000
3	Chi phí thuế TNDN tăng	770.804.221
	- Do tính thuế TNDN của các khoản thu học phí hệ vừa học vừa làm, liên kết quốc tế	578.608.922
	- Do tính thuế TNDN của các khoản thu học phí hệ vừa học vừa làm tăng thêm qua kiểm toán	192.195.299
4	Thặng dư / thâm hụt trong năm tăng	26.470.012.045
	- Do kết quả kiểm toán thay đổi bởi những nguyên nhân trên	26.470.012.045

KIỆM TOÀN TÍNH HÌNH THỨC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN VÀ CẤP TRÊN NĂM 2019
CƠ QUAN HỌC VIỆN BẢO CHỈ VÀ TUYÊN TRUYỀN

STT	Mục dùng	Đơn vị tính: đồng											
		Số báo cáo	Số kiêm toán	Chiết khấu	Số báo cáo	Số kiêm toán	Chiết khấu	Số báo cáo	Số kiêm toán	Chiết khấu	Số báo cáo	Số kiêm toán	
A	B	1	2	3 = 2 - 1	4	5	6 = 5 - 4	7	8	9 = 8 - 7	10	11	12 = 11 - 10
	Tổng cộng	1.712.967.993	1.712.967.993	-	3.818.581.546	4.784.335.234	965.753.688	3.629.465.493	3.629.465.493	-	1.902.084.006	2.867.837.694	965.753.6
1	Thuật ĐTOT	199.247.800	199.247.800	-	317.190.308	317.190.305	-	453.830.000	453.830.000	-	54.707.805	54.707.805	-
2	Thuật TNNDV	1.328.272.953	1.328.272.953	-	460.017.324	1.230.821.545	770.804.221	515.830.000	515.830.000	-	132.334.824	908.339.045	386.523.6
3	Thuật TNNDV	-	-	-	3.040.373.917	3.040.373.917	-	2.656.805.493	2.656.805.493	-	1.705.841.377	1.709.841.377	404.037.8
4	Thuật khác (Thuật mới ban)	-	-	-	194.949.467	194.949.467	-	-	-	-	-	194.949.467	194.949.467
5	Thuật khác (Thuật mới ban)	-	-	-	1.000.000	1.000.000	-	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-

* Các danh nghiệp khác chi tiết:

1. Thuật thu nhập doanh nghiệp tăng:

- Do sản xuất TNNDV của các khách thu học phí là vốn học vụ làm.

- Do sản xuất TNNDV của các khách thu học phí là vốn học vụ làm tăng thêm qua kiểm toán

2. Thuật nhà khác tăng:

- Do tăng thu nhập khác thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động đào tạo liên kết quốc tế trả cho Middlesex

770.804.22
578.508.92
192.195.29
194.949.46
194.949.46